

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 05 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hội".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Đen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST - DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp TX, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1991.

Ông Võ Văn Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp TX, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Bà T và bà H có mặt, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày, bà có làm chủ hội và mở các dây hội mùa và hội tháng, cụ thể như sau:

+ Ngày 20/01/2018 (âm lịch) mở dây hội mùa loại 3.000.000 đồng (mỗi

năm khui 03 lần theo vụ lúa). Dây hụi này gồm 17 phần. Bà H và ông Th tham gia 01 phần. Đến nay dây hụi này đã mãn.

+ Ngày 28/4/2018 (âm lịch) mở dây hụi mùa loại 2.000.000 đồng (mỗi năm khui 03 lần theo vụ lúa). Dây hụi này gồm 17 phần. Bà H và ông Th tham gia 01 phần. Đến nay dây hụi này đã mãn.

+ Ngày 20/10/2020 (âm lịch) mở dây hụi tháng, loại 1.000.000 đồng (mỗi tháng khui 1 lần). Dây hụi này gồm 24 phần. Bà H và ông Th tham gia 01 phần. Đến nay dây hụi này đã mãn.

+ Ngày 30/09/2021 (âm lịch) mở 02 dây hụi tháng, loại 1.000.000 đồng (mỗi tháng khui 1 lần). Mỗi dây hụi này gồm 21 phần. Mỗi dây, bà H và ông Th tham gia 01 phần. Đến nay dây hụi này đã mãn.

Sau khi mãn hụi bà và bà H có chót lại số tiền nợ hụi chết, bà H và ông Th còn nợ lại bà là 48.000.000 đồng. Việc chót nợ này được bà H thống nhất tại biên bản hòa giải tại ấp TX. Do đó bà khởi kiện yêu cầu bà H và ông Th trả cho bà số tiền 48.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2021 bà có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi, tất cả 05 chung hụi đúng như bà T trình bày tại đơn khởi kiện. Tất cả các chung hụi đều đã mãn. Bà đã hót hết 05 chung hụi đó nhưng đến nay chưa đóng đủ tiền hụi chết. Bà thừa nhận khi hòa giải tại ấp TX, bà có chót tiền hụi còn nợ bà T là 48.000.000 đồng. Việc tham gia hụi bà có nói cho chồng bà biết và tiền hốt hụi cũng sử dụng trong gia đình. Tuy nhiên, giao dịch hụi chủ yếu do bà giao dịch với bà T. Chồng bà thường xuyên đi làm nên chỉ biết bà có tham gia hụi chứ không trực tiếp tham gia. Ngày 07/3/2024 khi bà đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án thì bà không nhớ là sau khi hòa giải tại ấp TX thì bà có trả cho bà T thêm 3.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T trừ lại số tiền bà đã đóng cho bà T là 3.000.000 đồng. Còn lại 45.000.000 đồng thì bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả ngay cho bà T.

Bà T trình bày: Bà đồng ý với trình bày của bà H, đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 3.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H và ông Th trả số tiền 45.000.000 đồng. Nếu bà H cho rằng hoàn cảnh khó khăn thì bà đồng ý thỏa thuận cho bà H và ông Th trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bà H trình bày: Bà Đồng ý trả tiền cho bà T nhưng không đồng ý với yêu cầu mỗi tháng trả 3.000.000 đồng vì bà không có khả năng, bà có khả năng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95 khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T; Buộc bị đơn là bà Nguyễn Ngọc H và ông Võ Văn Th phải trả nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng và lãi suất phát sinh; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 3.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội với bị đơn bà Nguyễn Ngọc H và ông Võ Văn Th có địa chỉ tại ấp TX, xã Trường Th, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị H thống nhất xác định bà H có tham gia hội do bà T làm chủ. Bà H tham gia tất cả 05 chung hội như bà T đã

trình bày. Cả bà H và bà T đều thống nhất các chung hụi đều đã mãn, hai bên chốt tiền nợ hụi bà H còn nợ là 48.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi chốt tiền nợ hụi thì bà H có trả thêm cho bà T số tiền 3.000.000 đồng, nay bà T đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H và ông Th trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 3.000.000 đồng.

[3] Đối với số tiền nợ hụi 45.000.000 đồng còn lại, bà T yêu cầu bà H và ông Th trả cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà H không đồng ý vì bà cho rằng bà không có khả năng. Ông Võ Văn Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H xác định việc tham gia hụi mặc dù do một mình bà trực tiếp giao dịch nhưng mục đích dùng số tiền hốt hụi là sử dụng chung trong gia đình. Cụ thể là hốt hụi để có tiền cho chồng bà đóng học phí nâng bằng lái xe và xây nhà ở. Việc bà tham gia hụi ông Th cũng biết. Lời trình bày của bà H cũng phù hợp với lời trình bày của bà T về việc ông Th có biết và có hứa thanh toán tiền nợ hụi cho bà. Căn cứ quy định tại điều 16 nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ thì thành viên tham gia hụi có nghĩa vụ “Tiếp tục góp các phần hụi để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hụi trong trường hợp đã lĩnh hụi trước thành viên khác”. Bà H và ông Th đã lãnh hụi (hốt hụi) nên việc bà T yêu cầu trả tiền hụi còn nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 45.000.000 đồng bà H và ông Th còn nợ chưa góp hụi.

[4] Về lãi suất: Bà T không yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn xét xử, chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên cần buộc ông Th và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T. Buộc ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 45.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với số tiền 3.000.000 đồng do bà T rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền án phí 2.250.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T không phải nộp án phí. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007495 ngày 02/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được hoàn lại đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

Đỗ Ngọc Diễm